

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25-12-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân thân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4363/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4819/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A; nơi cư trú: Xóm C, thôn D, xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Tung, B; nơi cư trú: Nhà số G đường phố H, cụm I, phường K, thành phố L, Đài Nam, Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và anh Tung, B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 5 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Việt Nam khoảng 2 tháng. Sau đó anh Tung, B về Lãnh thổ Đài Loan để làm thủ tục bảo lãnh cho chị sang chung sống cùng. Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất

đồng về ngôn ngữ, phong tục tập quán, anh Tung, B không quan tâm, chăm sóc vợ con nên đến tháng 2 năm 2017, chị cùng con trở về Việt Nam. Từ đó đến giờ, anh Tung, B không về Việt Nam thăm con lần nào. Đến nay xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Tung, B.

Về con chung: Chị và anh Tung, B có 01 con chung là cháu Tung, CH, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2013. Hiện nay cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Tung, B không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với kết quả ủy thác cho bị đơn anh Tung, B:

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp thông qua Bộ tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo về việc cung cấp lời khai cho Tòa án đối với anh Tung, B theo địa chỉ của chị Nguyễn Thị A cung cấp. Ngày 29/7/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 2120/BTP-PLQT ngày 18/7/2019 của Bộ Tư pháp về việc kết quả ủy thác tư pháp với nội dung Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 06/06/2019 bằng phương thức: Gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn Công an.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị A giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và lời trình bày tại bản tự khai đã gửi cho Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị A và anh Tung, B đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 5 năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Tung, B. Về con chung: Giao cháu Tung, CH, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Tung, B hiện đang sinh sống ở Đài Loan, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn anh Tung, B vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt anh Tung, B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Tung, B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 5 năm 2011 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn ở Việt Nam sau đó anh Tung, B về Lãnh thổ Đài Loan để làm thủ tục bảo lãnh cho chị sang cùng. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng về ngôn ngữ, phong tục tập quán, anh Tung, B không quan tâm, chăm sóc vợ con nên đến đầu năm 2017, chị cùng con trở về Việt Nam. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Tung, B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị A khai chị và anh Tung, B có 01 con chung là cháu Tung, CH, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2013, hiện nay đang ở với chị A. Do vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị A, giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A khai vợ chồng không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị A là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Tung, B.

2. Về con chung: Giao con chung Tung, CH, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp:

Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001589 ngày 25 tháng 02 năm 2019. Chị Nguyễn Thị A phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) chi phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp đã nộp theo Biên lai thu số 0001590 ngày 25 tháng 02 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp.

Chị Nguyễn Thị A có nghĩa vụ nộp tiền lệ phí ủy thác tổng đạt bản án ra nước ngoài tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Tòa án thực hiện việc tổng đạt bản án ra nước ngoài sau khi nhận được biên lai thu tiền lệ phí ủy thác do đương sự nộp.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Tung, B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp